




ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRÀ TÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc

Trà Tân, ngày tháng 12 năm 2024

BẢN TỔNG HỢP ĐIỂM SỐ CỦA CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Căn cứ chấm điểm		Điểm số tự chấm	Chữ ký của công chức phụ trách	Tài liệu minh chứng
			Số liệu thực hiện (1)	Tỷ lệ đạt được (2)			
Điều 1	Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn	10			10		
Chỉ tiêu 1	Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao (Trong năm đánh giá)	3	100%	3			 1. RÀ SOÁT VBQPPL NĂM 2024.pdf  2. QĐ 324 Thanh lập Tổ rà soát - Trà tân.pdf  KH 152, Kế hoạch kiểm tra tổ rà soát năm 2024 (1).pdf

không có nhiệm vụ được giao ban hành văn bản quy phạm pháp luật được tính 03 điểm)



4. BÁO CÁO RÀ SOÁT VB NĂM 2024 - TRÀ TÂN 2 (2).pdf

1. Ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá

1



KẾ HOẠCH ĐỐI THOẠI NĂM 2024.pdf



ng nghị quyết đầu tư công 2024_0001.pdf



quyết định xử lý vi phạm hành chính24_0001.pdf

>> Trong năm Không có văn bản ban hành trái thẩm quyền văn bản trái thẩm quyền. "

a) Ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật

1








PHAN CONG NHIEM VU CBCC năm 20234T1 (1).pdf

b) Không ban hành từ 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật trở lên

0






2. Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được giao

2

trong năm đánh giá						
a) Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật	2					
b) Ban hành từ 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật trở lên trái pháp luật và bị cơ quan có thẩm quyền xử lý	0					
Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân (sau đây gọi chung là văn bản hành chính) <i>Tỷ lệ % = (Tổng số văn bản hành chính đã ban hành đúng thẩm quyền,</i>	7			7		 PHAN CONG NHIEM VU CBCC năm 20234T1 (1).pdf  TỜ TRÌNH BẦU PHÓ CHỦ TỊCH_0001.pdf  NGỊ QUYẾT BẦU PHÓ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN_0001.pdf  NGHỊ QUYẾT BẦU THÀNH VIÊN ỦY BAN_0001.pdf  quyết định xử lý vi phạm hành chính24_0001.pdf

Chỉ
tiêu
2

	<i>thời hạn và không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý do có nội dung trái pháp luật/Tổng số văn bản hành chính đã ban hành trong năm đánh giá) x 100</i>						
	a) Đạt 100%	7					
	b) Từ 95% đến dưới 100%	6					
	c) Từ 90% đến dưới 95%	5					
	d) Từ 85% đến dưới 90%	4					
	đ) Từ 80% đến dưới 85%	3					
	e) Dưới 75% đến dưới 80	2					
	g) Từ 70% đến dưới 75%	1					
	h) Từ 50% đến dưới 70%	0,25					
	i)Dưới 50%	0					
Điều chỉ 2	Tiếp cận thông tin, phổ	30					

	biển, giáo dục pháp luật					
Chỉ tiêu 1	Công khai các thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin và thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	6				
	1. Lập, đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin phải được công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (sau đây gọi chung là Danh mục thông tin) theo đúng quy định pháp luật	1				 KE HOACH PBPL, HGCS NĂM 2024 (3).pdf  BÁO CÁO LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN 2024.pdf  3. BAO CAO KET QU A RA SOAT DANH GIA THC.pdf  THÔNG BÁO TRỄ HẸN - HỒ THỊ KIM.pdf  THÔNG BÁO TRỄ HẸN - HỒ THỊ TRÀ.pdf (các Thư xin lỗi đều được đăng trên Trang TTĐT xã tại đường Link: https://xatratan.quangngai.gov.vn/web/xa-tra-tan/thong-b
	a) Lập Danh mục thông tin có đầy đủ các nội dung thông tin cần công	0,5				



khai và thường xuyên cập nhật Danh mục thông tin theo đúng quy định pháp luật							
b) Đăng tải Danh mục thông tin (xã, phường, thị trấn có Cổng hoặc Trang thông tin điện tử) hoặc niêm yết Danh mục thông tin tại trụ sở của chính quyền cấp xã (xã, phường, thị trấn chưa có Cổng hoặc Trang thông tin điện tử) hoặc bằng hình thức phù hợp khác	0,5						TTĐT xã tại đường Link: https://xatratan.quangngai.gov.vn
2. Công khai thông tin đúng thời hạn, thời điểm <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai đúng thời hạn, thời điểm / Tổng số thông tin phải</i>	1,5						



<i>được công khai) x 100</i>					
a) Đạt 100%	1,5				
b) Từ 90% đến dưới 100%	1				
c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75				
d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
d) Từ 70% đến dưới 80%	0,25				
e) Dưới 50%	0				
3. Công khai thông tin chính xác, đầy đủ <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai chính xác, đầy đủ/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</i>	2				
a) Đạt 100%	2				
b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5				
c) Từ 80% đến dưới 90%	1				

d) Từ 70 đến dưới 80%	0,5				
đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
e) Dưới 50%	0				
4. Hình thức công khai thông tin đúng quy định pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai đúng hình thức theo quy định pháp luật/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</i>	1,5				
a) Đạt 100%	1,5		1,5		
b) Từ 90% đến dưới 100%	1				
c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75				
d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
e) Dưới 50%	0				



Trong năm không có yêu cầu cung cấp thông tin .

Chỉ tiêu 2 Cung cấp thông tin theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin <i>(Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin được tính 05 điểm)</i>	5						
1. Cung cấp thông tin theo yêu cầu đúng thời hạn <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng thời hạn/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100</i>	1,5						
a) Đạt 100%	1,5						
b) Từ 90% đến dưới 100%	1						
c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75						

d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5					
đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25					
e) Dưới 50%	0					
2. Cung cấp thông tin theo yêu cầu chính xác, đầy đủ <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp chính xác, đầy đủ/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100</i>						
a) Đạt 100%	2					
b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5					
c) Từ 80% đến dưới 90%	1					
d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5					
đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25					
e) Dưới 50%						
3. Hình thức cung cấp thông	1,5					



	tin đúng quy định pháp luật					
	Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng hình thức theo quy định pháp luật/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100					
	a) Đạt 100%	1,5				
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
Chỉ tiêu 3	Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm theo đúng quy định pháp luật về phổ	8			8	

biển, giáo dục pháp luật						
1. Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu về nội dung theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên	2			2		
a) Ban hành Kế hoạch trong 05 (năm) ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	2			2		
b) Ban hành Kế hoạch sau 05 (năm) ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	1					
c) Không ban hành Kế hoạch hoặc có ban hành Kế hoạch nhưng không đáp ứng yêu	0					



KE HOACH PBPL, HGCS NĂM 2024 (3).pdf



câu về nội dung theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên						
<p>2. Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch (trừ nội dung của chỉ tiêu 5 của tiêu chí này):</p> <p>Tỷ lệ % = $\frac{\text{Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế}}{\text{Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đề ra trong Kế hoạch}} \times 100$</p>	4					
a) Đạt 100%	4					
b) Từ 90% đến dưới 100%	3					
c) Từ 80% đến dưới 90%	2					
d) Từ 70% đến dưới 80%	1					
đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25					
e) Dưới 50%	0					






<p>3. Triển khai các nhiệm vụ phát sinh ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động phát sinh ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên) x 100</i></p> <p><i>(Trong năm đánh giá không phát sinh nhiệm vụ ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên được tính 02 điểm)</i></p>	2					
a) Đạt 100%	2					
b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5					



bảo đảm thực hiện từ 80% đến dưới 90% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này					
d) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 70% đến dưới 80% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	0,5				
đ) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 50% đến dưới 70% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	0,25				
e) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện dưới 50% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	0				








Điều chỉ 3	Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý	15				
Chỉ tiêu 1	Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải kịp thời, hiệu quả theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở (sau đây gọi chung là vụ, việc hòa giải) <i>(Trong năm đánh giá không phát sinh vụ, việc hòa giải được tính 07 điểm)</i>	7			7	 báo cáo công tác tư pháp năm 2024..pdf  QUYẾT ĐỊNH CHUNG TỔ HÒA GIẢI THÔN NĂM 2024 (1).pdf  quyết định thành lập BtTND tc4_0001.pdf
	1. Các vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc đã hòa</i>	3,5				"

<i>giải đúng quy định/Tổng số vụ, việc đã tiếp nhận) x 100</i>						
a) Đạt 100%	3,5					
b) Từ 90% đến dưới 100%	2,5					
c) Từ 80% đến dưới 90%	1,5					
d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5					
đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25					
e) Dưới 50%	0					
2. Các vụ, việc hòa giải thành <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải thành/Tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải) x 100</i>	3,5					
a) Đạt 100%	3,5					
b) Từ 90% đến dưới 100%	2,5					
c) Từ 80% đến dưới 90%	1,5					
d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5					

	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
Chỉ tiêu 2	Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động hòa giải ở cơ sở theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở	4			4	Quyết định phân bổ ngân sách đầu năm
	1. Có văn bản và dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải gửi cơ quan có thẩm quyền cấp trên theo thời hạn quy định	1			1	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 29/12/2022 phân bổ dự toán thu- chi xã Trà Tân năm 2023. 2. Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND Quảng Ngãi ngày 19/08/2014. Nghị Quyết 31/2023/NQ-HĐND Quảng Ngãi ngày 08/12/2023
	2. Tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định / Tổng số tổ hòa giải)</i>	1,5				



chứng từ tổ hoà giải_0001.pdf

	c) Từ 80% đến dưới 90%	1				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
Chỉ tiêu 4	Triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở	5			5	
	a) Có từ 02 (hai) hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả trở lên	5			5	 KẾ HOẠCH RA MẮT TVPL_0001.pdf
	b) Có 01 (một) hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả	3				 QUYẾT ĐỊNH BANHANHF QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CÂU LẠC BỘ TU  KẾ HOẠCH RA MẮT MÔ HÌNH PHÁP LUẬT24_0001.pdf  QUYWTS ĐỊNH KIỆN TOÀN MÔ HÌNH24_0001.pdf  BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG MÔ HÌNH TVPL_0001.pdf
	c) Không có hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo	0				




	đục pháp luật hiệu quả					
Chỉ tiêu 5	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho tuyên truyền viên pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng / Tổng số tuyên truyền viên pháp luật của cấp xã) x 100</i>	3			3	
	a) Đạt 100%	3			3	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	2				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				



Gm 64 tuyên truyền pháp luật.pdf

Giấy mời tuyên truyền luật của cấp trên.

	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
Chi tiêu 6	Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật	3			3	 chứng từ thanh toán tuyen truyền luật_0001.pdf Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 29/12/2022 phân bổ dự toán thu- chi xã Trà Tân năm 2023. Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 14/08/2023 về ban hành quy chế chi tiêu nội bộ. Theo đó, UBND xã k chức TC-KT xã với mức khoán 200.000đ/tháng sách đ 2. Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND quảng ngãi n
	a) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện 100% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	3			3	
	b) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 90% đến dưới 100% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	2				
	c) Số kinh phí được bố trí đã	1				



trên địa bàn) x 100					
a) Đạt 100%	1,5			1	
b) Từ 90% đến dưới 100%	1				
c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75				
d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
e) Dưới 50%	0				

3. Hỗ trợ thù lao hòa giải viên theo vụ, việc đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền

Tỷ lệ % =
(Tổng số vụ, việc hòa giải đã giải quyết được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên đúng mức chi theo quy định/Tổng số vụ, việc hòa giải đã giải quyết) x 100

1,5



a) Đạt 100%	1,5				
b) Từ 90% đến dưới 100%	1				
c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75				
d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
e) Dưới 50%	0				

Chỉ tiêu 3

Thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý theo đúng quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý
Tỷ lệ % = (Tổng số người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm để thực hiện quyền được trợ giúp pháp

4

4



CUNG CẤP DANH SÁCH CÔNG DÂN ĐƯỢC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ.pdf



CV cung cấp số liệu người thuộc diện TGPL trên địa bàn xã Trà Tân :



Danh sách người được trợ giúp pháp lý trên địa bàn xã Trà Tân năm :



lý/Tổng số người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ, việc tham gia tố tụng cư trú trên địa bàn mà Ủy ban nhân dân cấp xã có được thông tin theo quy định) x 100

(Trong năm không phát sinh vụ, việc trợ giúp pháp lý liên quan đến người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được tính 04 điểm)

a) Đạt 100%

4





b) Từ 90% đến dưới 100%

3

c) Từ 80% đến dưới 90%

2



	d) Từ 70% đến dưới 80%	1				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
Chỉ tiêu 4	Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	20				
Chỉ tiêu 1	Tổ chức trao đổi, đối thoại với Nhân dân theo đúng quy định pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương	3			3	Văn phòng Đảng ủy
	1. Tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân	2			2	 KẾ HOẠCH ĐỐI THOẠI NĂM 2024.pdf
	a) Có tổ chức hội nghị	2			2	 báo cáo giá sát thi công ban thanhtra nhân dân tc4_0001.pdf
	b) Không tổ chức hội nghị	0				 quyết định thành lập BtTND tc4_0001.pdf
	2. Thông báo về thời gian, địa điểm, nội dung của hội nghị theo đúng	1				 tc4 công văn đối thoại đảng ủy_0001.pdf


quy định pháp luật					
a) Thông báo đúng thời hạn, đúng hình thức	1				
b) Không thông báo hoặc có thông báo nhưng không đúng thời hạn hoặc không đúng hình thức	0				


Tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn


**hĩ
êu
?**
Tỷ lệ % =
(Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp đúng hình thức, yêu cầu theo quy định pháp luật/Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân


4


4

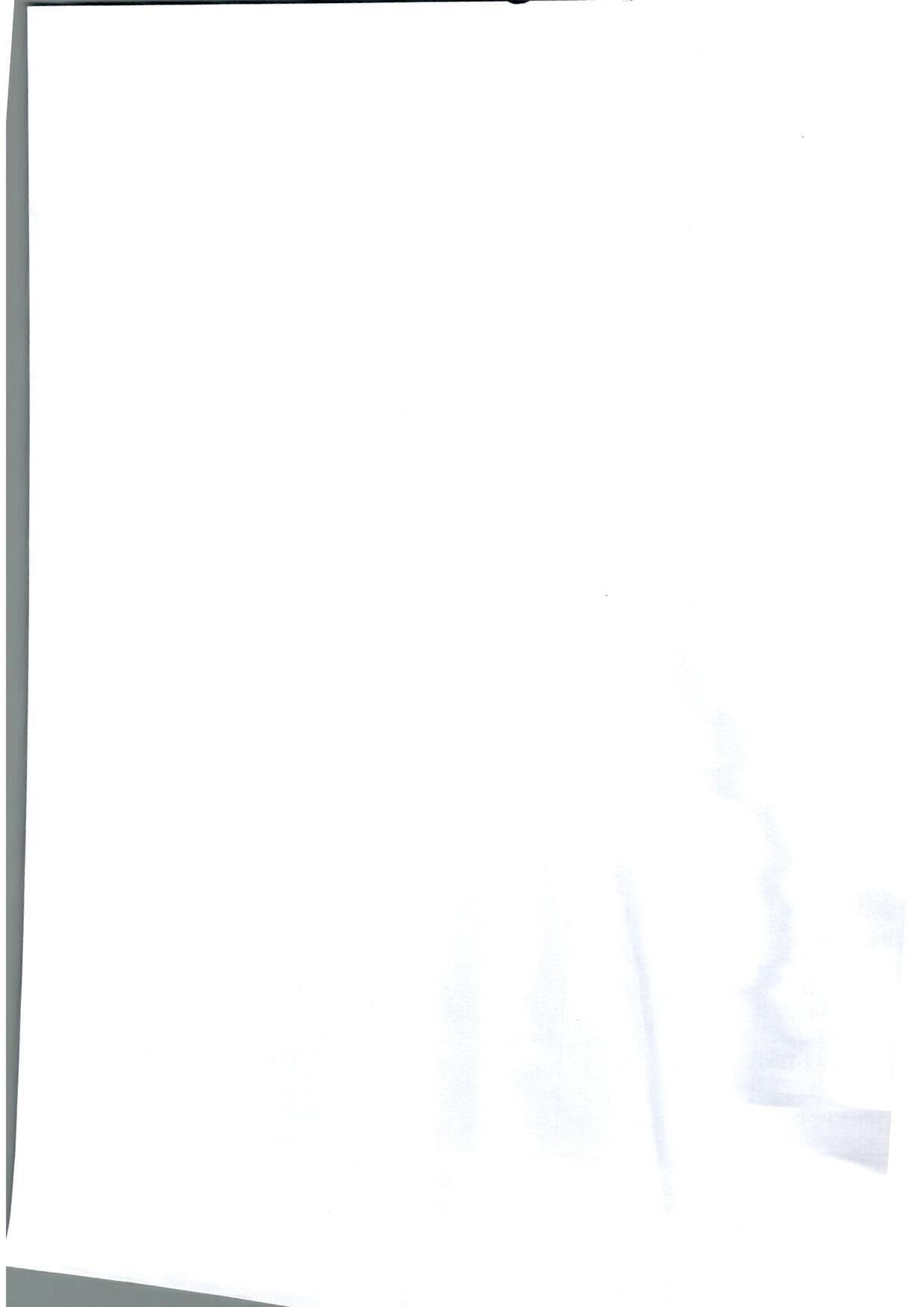
 kế hoạch hiệp thương tiêu chí 4_0001.pdf

 biên bản hiệp thương thôn trường giang_0001.pdf

 biên bản hiệp thương thôn trà ngon_0001.pdf

 biên bản hiệp thương trà ót_0001.pdf

 biên bản hiệp thương trường biện_0001.pdf



dân bàn, quyết định trực tiếp) x 100					
a) Đạt 100%	4		4		
b) Từ 90% đến dưới 100%	3				
c) Từ 80% đến dưới 90%	2				
d) Từ 70% đến dưới 80%	1				
đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
e) Dưới 50%	0				
Chỉ tiêu 3	4				
a) Đạt 100%	4				
b) Từ 90% đến dưới 100%	3				
c) Từ 80% đến dưới 90%	2				
d) Từ 70% đến dưới 80%	1				
đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
e) Dưới 50%	0				



Tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn

Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân tham gia ý kiến đúng hình thức, yêu cầu và thực hiện tổng hợp, tiếp thu, thông báo việc tổng hợp, tiếp thu ý kiến của Nhân dân theo quy định pháp luật/Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến) x 100

Chỉ tiêu 4

4

a) Đạt 100%

4

b) Từ 90% đến dưới 100%

3



kế hoạch hiệp thương tiêu chí 4_0001.pdf



biên bản hiệp thương thôn trà ngon_0001.pdf



biên bản hiệp thương thôn trường giang_0001.pdf



biên bản hiệp thương trà ót_0001.pdf



biên bản hiệp thương trường biện_0001.pdf



	c) Từ 80% đến dưới 90%	2				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	1				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
Chỉ tiêu 5	Tổ chức để Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	5				
	1. Các nội dung để Nhân dân giám sát	4				
	a) Tổ chức giám sát từ 04 (bốn) nội dung trở lên	4				



quyết định thành lập BtTND tc4_0001.pdf



TC4 KẾ HOẠCH THÀNH LẬP BTTND_0001.pdf



báo cáo giá sát thi công ban thanhtra nhân dân tc4_0001.pdf





bc ban giám sát đầu tư cộng đồng_0001.pdf





	b) Tổ chức giám sát 03 (ba) nội dung	3				
	c) Tổ chức giám sát 02 (hai) nội dung	2				
	d) Tổ chức giám sát 01 (một) nội dung	1			1	
	đ) Không tổ chức giám sát	0				
	2. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết cho Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng	1				
Điều 5	Tổ chức tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm hành chính; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội	25				


Chỉ tiêu 1 Tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo	7				
1. Tổ chức tiếp công dân	3		3		
a) Có nội quy tiếp công dân	0,5		0,5		
b) Bố trí địa điểm, các điều kiện cần thiết, phân công người tiếp công dân; niêm yết công khai lịch tiếp công dân của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tại trụ sở	0,5		0,5		
c) Thực hiện đầy đủ, đúng trách nhiệm tiếp công dân tại trụ sở Ủy ban nhân dân	1		1		



 QĐ KIẾN TOÀN BỘ PHẦN MỘT CỬA XÃ TRÀ TÂN NĂM 2023.pdf


 1. QĐ kien toan bo phan tien dan - 2024.pdf


 3. Báo cáo quý III+ 9 tháng 2024- TCD Trà Tân .pdf


 3. THÔNG BÁO LỊCH TIẾP CÔNG DÂN24.pdf

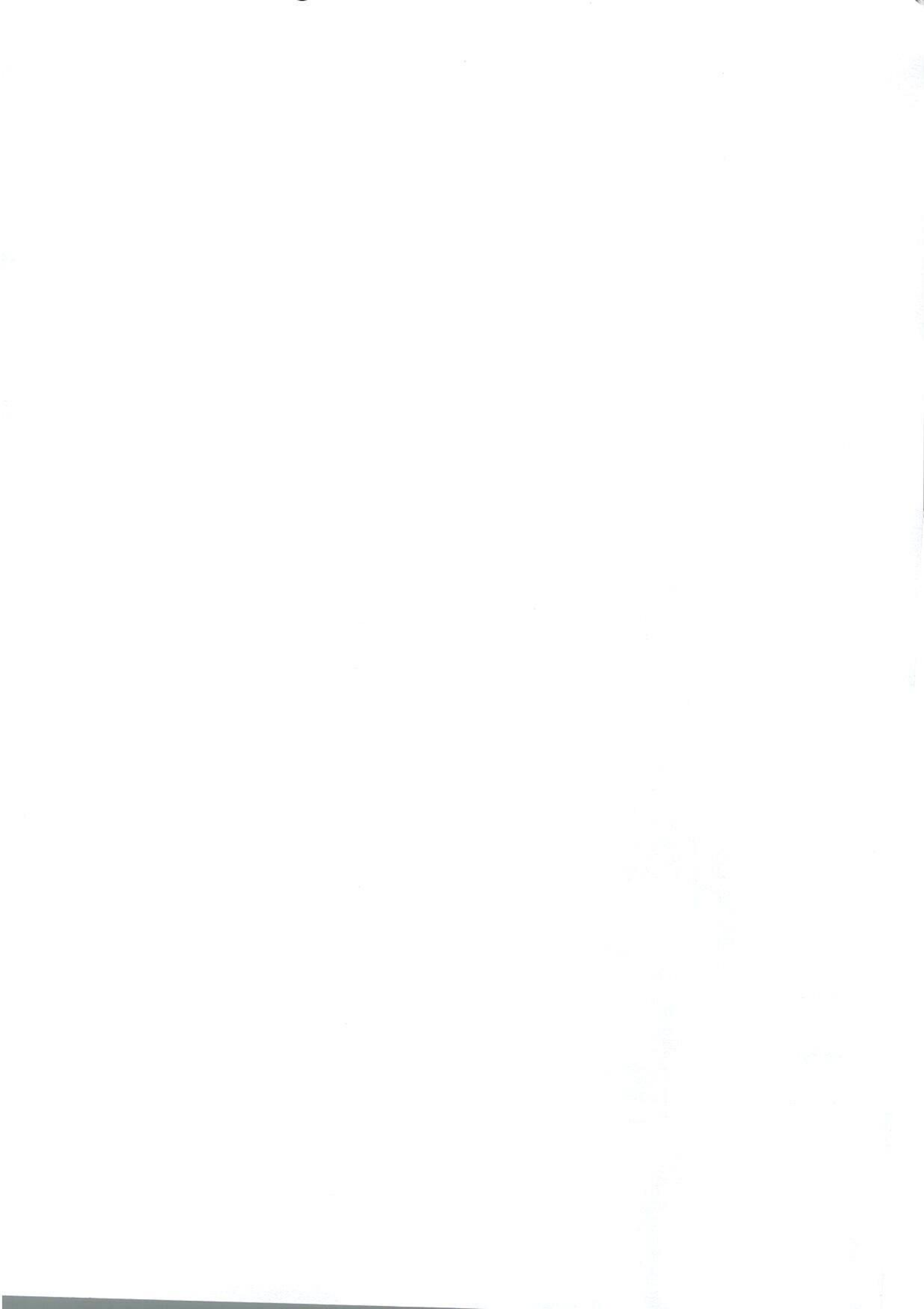

 4. Báo cáo quý IV+ năm 2024- TCD Trà Tân .pdf


 QĐ 268 vv ban hành Nội quy tiếp công dân tại nơi Tiếp công dân

Bộ phận một cửa xã Trà Tân đã đi vào hoạt động từ năm 2020, do đó tất cả các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã đều đã được đưa vào tiếp nhận và giải quyết, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa xã. "



cấp xã (ít nhất 01 ngày trong 01 tuần) và tiếp công dân đột xuất (nếu có)					
d) Phối hợp, xử lý kịp thời vụ việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung; bảo đảm an toàn, trật tự cho hoạt động tiếp công dân	1		1		
<p>2. Tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh</p> <p>Tỷ lệ % = <i>(Tổng số kiến nghị, phản ánh được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số kiến nghị, phản ánh đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x 100</i></p> <p><i>(Trong năm đánh giá không có kiến</i></p>	2		2		



nghi, phản ánh được tính 02 điểm)					
a) Đạt 100%	2				
b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5				
c) Từ 80% đến dưới 90%	1				
d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
e) Dưới 50%	0				
3. Tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo Tỷ lệ %= (Tổng số khiếu nại, tố cáo được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số khiếu nại, tố cáo đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x 100 (Trong năm đánh giá không có khiếu nại, tố cáo	2				





được tính 02 điểm)					
a) Đạt 100%	2				
b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5				
c) Từ 80% đến dưới 90%	1				
d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
e) Dưới 50%	0				


Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính

Tỷ lệ % =
 (Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính từ điều kiện giải quyết đã

7	7				
---	---	--	--	--	--

-  5. BC KSTTHC năm 2024..pdf
-  4. BC CCHC NĂM 2024 (1).pdf



	truy cứu trách nhiệm hình sự					
	b) Có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	0				
Chỉ tiêu 4	Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo đúng quy định pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội	6		6		
	a) Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	6		6		 quyết định công nhận công an nhân dân năm 2024..pdf
	b) Không đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	0				
TỔNG CỘNG:		100		96		

Ghi chú:

(1) Cung cấp số liệu thể hiện kết quả đạt được của các nội dung chỉ tiêu.

Ví dụ 1: Chỉ tiêu 1, tiêu chí 1: Trong năm đánh giá, chính quyền cấp xã đã ban hành 03 văn bản quy phạm pháp luật trong tổng số 05 văn bản quy phạm pháp luật được giao, số liệu thực hiện ghi là 3/5.

